TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2018/HS-ST
Ngày: 21- 8- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ, TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Mác

2. Bà Trần Thị Bích Liên

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Anh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn Đ, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 27/11/1982; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm XV, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Nguyễn Xuân T, sinh năm 1948; Con bà: Hoàng Thị B, sinh năm 1949; Vợ, con chưa có; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ năm;

Tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án số 406/2010/HSST ngày 15/12/2010 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 03 năm tù về tội: "Trộm cắp tài sản", buộc bị cáo Đ phải bồi thường cho các bị hại số tiền 32.150.000 đồng, án phí hình sự 200.000 đồng, án phí dân sự 1.600.000 đồng. Chưa chấp hành xong bản án;

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/02/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 04/01/2007 bị Công an phường Thắng Lợi, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính số tiền 100.000 đồng về hành vi làm thiệt hại tài sản của người khác.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: Uỷ ban nhân dân thị trấn TC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

+ ***Người đại diện theo pháp luật***: Ông Vũ Đăng K, sinh năm 1965.

Chức vụ: Chủ tịch UBND thị trấn TC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

+ ***Người đại diện theo ủy quyền***: Bà Quang Thị H, sinh năm 1966

Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐND thị trấn TC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên – Có mặt tại phiên tòa

- Người tham gia tố tụng khác:

+ ***Người làm chứng:***

1. Anh Nguyễn Quang N, sinh năm 1987 - Vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố KT, phường BH, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Nguyễn Hoa T, sinh năm 1985 – Vắng mặt.

Trú tại: Xóm XV, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

3. Anh Lê Văn D, sinh năm 1990 – Vắng mặt.

Trú tại: Xóm XV, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

4. Anh Nguyễn Quang P, sinh năm 1985 – Vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố KT, phường BH, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối năm 2014 và đầu năm 2015 Nguyễn Quang N, sinh năm 1987, trú tại: tổ dân phố KT, phường BH, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên cùng Nguyễn Hoa T (sinh năm 1985), Lê Văn D (sinh năm 1990) cùng trú tại: xóm XV, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên; Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, trú tại: xóm TH, xã TT, huyện PY, tỉnh Thái Nguyên và Nguyễn Văn Đ cùng bàn bạc rủ nhau trộm cắp tài sản tại trụ sở Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn các huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên để lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Nguyễn Quang Phương, sinh năm 1985, trú tại: tổ dân phố Kim Thái, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia với vai trò tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Trong đó, Nguyễn Quang N cùng Lê Văn D, Nguyễn Hoa T và Nguyễn Văn Đ trộm cắp tài sản tại Ủy ban nhân dân thị trấn TC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể như sau:

Tối ngày 27/11/2014 N hẹn với T, Đ và D tập trung tại nhà N, sau đó N lái xe Taxi BKS 20A-077.00 đưa cả nhóm cùng các dụng cụ như xà beng, xà cầy, găng tay đi lên thành phố TN, sau đó sang huyện ĐH đi theo hướng vào thị trấn TC để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Khi đến trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn TC thì cả nhóm ngồi trong xe ô tô, đến khoảng 01h ngày 28/11/2014, T và Đ đeo găng tay và cầm theo xà beng, xà cầy trực tiếp đi vào trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn TC để tìm

tài sản, D đứng ngoài cảnh giới, N đợi ngoài xe ô tô. T và Đ tìm đến phòng kế toán nhưng không có két sắt, cả hai tiếp tục tìm thì phát hiện thấy 01 phòng làm việc có để két sắt, T dùng xà beng phá khóa cửa phòng, vào trong phòng T và Đ hạ két sắt (loại két sắt K67 do công ty Kim khí HN sản xuất) xuống sàn phòng và cùng nhau dùng xà beng, xà cầy để cậy phá két nhưng không phá được vỏ két, Đ và T bàn nhau chuyển két đi nơi khác để cậy phá. T gọi cho N và D vào để cùng nhau chuyển két sắt ra cổng trụ sở Ủy ban nhân dân, sau đó cho két lên cốp sau xe của N chở về thị xã PY. Sau khi trộm cắp xong tài sản trên đường về N gọi cho anh trai là P mang búa tạ ra đầu ngõ nhà N ở phường BH để mang đi phá két, đến nơi hẹn P cầm theo búa lên xe ô tô đi cùng cả nhóm đến Điếm canh đê thuộc địa phận xóm Đ, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây cả nhóm chuyển két vào trong Điếm, P và N dùng búa tạ thay nhau đập phá két, khi chốt cửa két bật ra thấy bên trong có nhiều loại giấy tờ, tài liệu và số lượng tiền lớn, các đối tượng đã lấy hết tiền trong két để lại các giấy tờ sau đó chuyển két ra ô tô chở đến vị trí cách Điếm canh đê khoảng 01km và vứt két xuống sông. Sau đó cả nhóm quay về nhà N chia nhau số tiền vừa trộm được. Tiền được N chia đều cho T, D, Đ và P mỗi đối tượng được 50.000.000 đồng riêng N được chia thêm 5.000.000 đồng tiền sử dụng taxi, tổng số tiền N nhận được là 55.000.000 đồng, số tiền được chia các bị can đã sử dụng hết. Hiện tại chiếc két chưa thu được. Theo báo cáo và thống kê sổ sách xác định tài sản bị mất tại Ủy ban nhân dân thị trấn TC là 267.978.798 đồng là tiền ngân sách, quỹ công đoàn, quỹ khuyến học của Ủy ban nhân dân thị trấn TC, huyện ĐH.

Tại bản kết luận số 2443, ngày 28/7/2016 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Thái Nguyên kết luận: giá trị thiệt hại của chiếc két K67 do Công ty Kim khí HN sản xuất là 300.000 đồng.

Sau khi Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Đ đã bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 07/4/2018 Đ đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Tại phiên tòa, bà Quang Thị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, mặc dù cho đến nay các bị cáo N, T, D và Đ chưa bồi thường được cho UBND thị trấn TC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên số tiền đã chiếm đoạt. Tuy nhiên, về phần trách nhiệm dân sự thì đã được xem xét, giải quyết tại bản án số 01/2017/HSST ngày 06/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên nên không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 52/CT- VKSĐH ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*.

- Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội qui định về thực hiện các qui định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo từ 08 đến 09 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại bản án số 01/2017/HSST ngày 06/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên nên không xem xét.

- Về vật chứng của vụ án: Đã được giải quyết tại bản án số 01/2017/HSST ngày 06/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên nên không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 01 giờ ngày 28/11/2014 Nguyễn Quang N cùng Nguyễn Hoa T, Lê Văn D và Nguyễn Văn Đ đã có hành vi trộm cắp két sắt tại phòng làm việc của Ủy ban nhân dân thị trấn TC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên, sau đó dùng xe taxi vận chuyển két sắt về thị xã PY rồi gọi cho Nguyễn Quang P mang búa tạ, chở két sắt đến Điếm canh đê thuộc địa phận xóm Đ, xã TT, thị xã PY phá két. P cùng N dùng búa tạ thay nhau đập phá két, lấy được tiền xong đem vứt két xuống sông. Tiền trộm cắp được N chia đều cho T, D, Đ và P mỗi người được 50.000.000 đồng, riêng N được chia thêm 5.000.000 đồng tiền sử dụng xe taxi. Theo báo cáo và thống kê sổ sách xác định tài sản bị mất tại Ủy ban nhân dân thị trấn TC là 267.978.798 đồng (khoản tiền này là tiền quỹ ngân sách, quỹ công đoàn, quỹ khuyến học) và giá trị thiệt hại của két sắt là 300.000 đồng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp thời gian, địa điểm và diễn biến hành vi phạm tội, cũng như phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, đặc điểm tài sản chiếm đoạt và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử xét thấy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a, khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng....thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng".

[2] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án và đã nhiều lần bị xét xử về cùng loại tội nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục có hành vi phạm tội, điều đó chứng tỏ rằng bị cáo coi thường pháp luật; cụ thể: tại bản án số 406/2010/HSST ngày 15/12/2010 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo chưa chấp hành xong bản án, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm; do đó bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015). Ngoài ra, bị cáo trộm cắp tài sản của Nhà nước thì còn phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 không quy định tình tiết này là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; do đó, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định "*Điều luật xóa bỏ một tội phạm ... quy định một hình phạt nhẹ hơn ... xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành*", Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nêu trên đối với bị cáo theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bỏ trốn nhưng đã ra cơ quan Công an đầu thú; bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Xuân T được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015).

[3] Về hình phạt: Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như vai trò của bị cáo trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có có nhân thân xấu, có 01 tiền án về cùng loại tội, tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, được chia số

tiền tương ứng như các bị cáo khác trong vụ án nên khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét lên một mức án phù hợp, buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 50.000.000 đồng đối với bị cáo do phạm tội mà có. Các vật chứng khác của vụ án đã được giải quyết tại bản án số 01/2017/HSST ngày 06/01/2017 của TAND tỉnh Thái Nguyên.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại bản án số 01/2017/HSST ngày 06/01/2017 của TAND tỉnh Thái Nguyên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hành vi của Nguyễn Quang N, Nguyễn Hoa T, Nguyễn Quang P đã được xét xử tại bản án số 01/2017/HSST ngày 06/01/2017 và hành vi của Lê Văn D đã được xét xử tại bản án số 29/2017/HSST ngày 04/7/2017 của TAND tỉnh Thái Nguyên.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; nguyên đơn dân sự và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 3 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (Nay là điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015); Điều 106, Điều 329; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội qui định về thực hiện các qui định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Tuyên bố*: Bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phạm tội "Trộm cắp tài sản";

- Xử phạt Nguyễn Văn Đ 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2018. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) của bị cáo do phạm tội mà có.

- Quyết định tạm giam Nguyễn Văn Đ 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. *Án phí:* Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Lê Huy Bắc
(Đã ký)

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã TT, thị xã PY;
- Bị cáo, Nguyên đơn dân sự;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự.